



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

30.10.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

NHÓM GEX, VINCOM VÀ CHỨNG KHOÁN KÉO CHỈ SỐ ĐI XUỐNG

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	370
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	148
Số cổ phiếu giảm giá	175
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	47

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	206
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	75
Số cổ phiếu giảm giá	80
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	51

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	364
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	143
Số cổ phiếu giảm giá	126
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	95

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	57,303.04	104,244.87	(46,941.83)
% KL toàn thị trường	7.19%	13.08%	
Giá trị	2,435,943	3,588,436	(1,152,493)
% GT toàn thị trường	10.22%	15.06%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,574.25	5,888.50	(3,314.25)
% KL toàn thị trường	7.19%	13.08%	
Giá trị	78,776	160,820	(82,044)
% GT toàn thị trường	4.29%	8.75%	

UPCOM

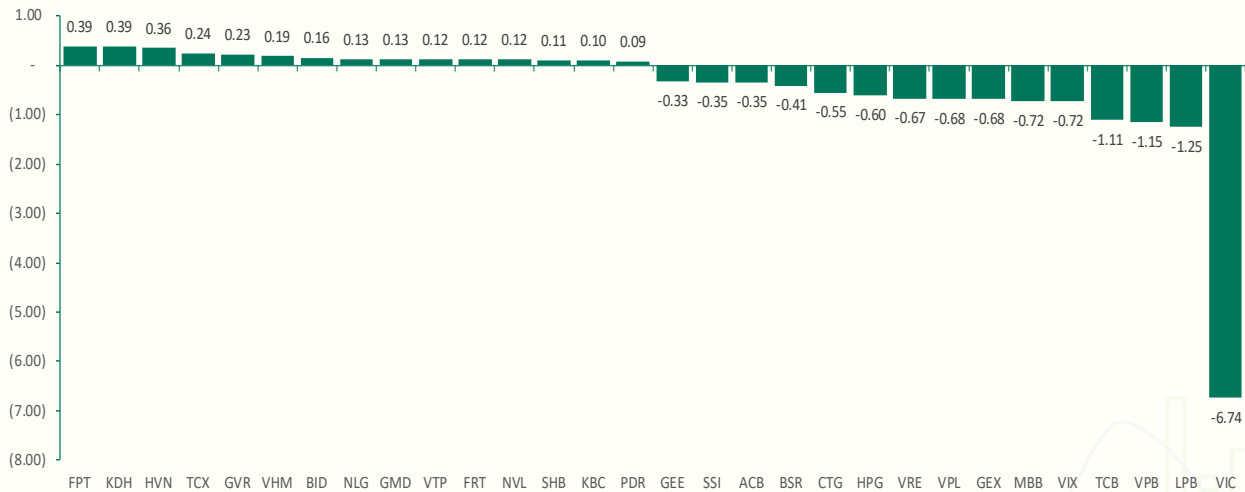
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,801.68	2,738.16	(936.48)
% KL toàn thị trường	4.45%	6.76%	
Giá trị	64,006	39,952	24,054
% GT toàn thị trường	9.37%	5.85%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	3,772,500	204,100	-7,900 (-3.73%)	57.70	4.99	3,537	792,005
2	VCB	1,946,600	60,600	-100 (-0.16%)	11.02	2.37	5,501	506,354
3	VHM	3,691,300	104,000	200 (0.19%)	14.77	1.85	7,039	427,171
4	BID	2,599,600	37,900	100 (0.26%)	9.54	1.64	3,972	266,110
5	CTG	4,840,500	49,200	-450 (-0.91%)	8.78	1.61	5,606	264,204
6	TCB	10,507,900	35,700	-700 (-1.92%)	11.47	1.41	3,113	252,979
7	VPB	19,085,200	29,200	-650 (-2.18%)	11.22	1.45	2,603	231,671
8	HPG	23,693,500	26,900	-350 (-1.28%)	12.81	1.41	2,100	206,470
9	MBB	24,498,600	23,950	-400 (-1.64%)	5.91	1.45	4,051	192,917
10	FPT	9,730,600	102,700	1,000 (0.98%)	17.15	4.09	5,988	174,950

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (Đ)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.55%	+42.29%	1,597
▼ Tài chính	-1.03%	+27.93%	105
► Tổ chức tín dụng	-0.99%	+27.53%	29
► Dịch vụ tài chính	-1.57%	+38.38%	63
► Bảo hiểm	+0.76%	+13.51%	13
► Bất động sản	-1.67%	+126.42%	133
▼ Công nghiệp	+0.24%	+33.35%	400
► Vận tải	+0.68%	+26.11%	117
► Hàng hóa công nghiệp	-0.78%	+48.14%	230
► Dịch vụ thương mại và chuyển nghiệp	+1.98%	+40.51%	53
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+0.66%	+6.65%	168
► Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.70%	+6.10%	155
► Thương mại hàng thiết yếu	-0.22%	0%	9
► Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-0.09%	+2.97%	4
► Nguyên vật liệu	-0.40%	+13.40%	283
► Tiện ích	-0.66%	+4.20%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-0.73%	+24.85%	186
► Thương mại hàng không thiết yếu	-0.10%	+25.90%	65
► Dịch vụ tiêu dùng	-1.97%	+0.18%	37
► Thời trang và hàng lâu bền	+0.41%	+57.69%	71
► Xe và linh kiện	-0.39%	+1.39%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	+5.77%	-19.98%	41
► Dịch vụ viễn thông	+6.22%	-21.53%	18
► Truyền thông và giải trí	-1.08%	+11.80%	23
▼ Công nghệ thông tin	+1.24%	-20.64%	16
► Phần mềm và dịch vụ	+1.10%	-21.41%	9
► Phần cứng và thiết bị	+9.78%	+96.00%	7
► Năng lượng	-1.20%	-2.59%	53
▼ Chăm sóc sức khỏe	-1.02%	+6.93%	58
► Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-1.22%	+10.41%	47
► Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	+1.17%	-29.04%	11

Nhóm GEX, VINCOM và chứng khoán kéo chỉ số đi xuống

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 16.26 điểm (- 0.96%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ viễn thông, dịch vụ thương mại và chuyên biệt, phần mềm dịch vụ, bảo hiểm, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, bảo hiểm, vận tải, thời trang và hàng lâu bền...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VGI, VEF, FPT, CMG, BVH, PTI, PVI, MIG, MCH, MSN, HAG, ANV, BAF, ASM, HVN, GMD, HAH, VJC, PHP, VGT, TNG, MSH...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VGI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VGI vận động theo kiểu mô hình 3 đáy lớn quanh hỗ trợ 60;
- ✓ Q3/2025, doanh thu đạt 11.622 tỷ đồng, tăng 27% so với quý 3/2024. Đây là quý thứ 8 liên tiếp doanh nghiệp này duy trì tốc độ tăng trưởng trên 20%. Lợi nhuận sau thuế đạt 4.160 tỷ đồng, tăng 569% so với cùng kỳ, lập kỷ lục mới về lợi nhuận theo quý cao nhất và tăng trưởng tốt nhất của VGI. Chúng tôi thấy VGI còn khoảng 2,100 tỷ đồng khoản phải thu chưa trích lập dự phòng và VGI có thể dứt điểm trong 2-3 quý nữa qua đó mở đường tăng trưởng mạnh hơn về lợi nhuận – Cổ phiếu này đang dần thích hợp cho NĐT trung hạn theo trường phái tăng trưởng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) ANV tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ ANV đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 41;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iii) GMD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 mở rộng tăng giá với mục tiêu 83;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(iv) MSH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MSH dường như kết thúc chuỗi 5 sóng tăng và 5 sóng giảm giá với một Break out có khoảng trống giá ngày 27/10/2025 – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu có thể xây Base giá quanh khu vực này trước khi có Break out mới;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(2) Bất động sản, dịch vụ tài chính, năng lượng, truyền thông giải trí, tổ chức tín dụng, hàng hóa công nghiệp, tiện ích, nguyên vật liệu ...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VIC, VHM, VRE, VIX, SSI, VND, HCM, SHS, BSR, PVD, PVT, OIL, VCB, CTG, TCB, VPB, LPB, MBB, STB, VIB, GAS, POW, HPG, DGC ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VHM đang hình thành sóng 4 giảm giá với mô hình ABC quanh ngưỡng hỗ trợ 94 – 100 – NĐT nên quan sát vùng hỗ trợ này;
- ✓ VHM công bố có khoảng 292 ngàn tỷ bán hàng chưa thực hiện trong đó riêng dự án VINHOME Cần Giờ dự kiến sẽ bán khoảng 65 ngàn tỷ chiếm 29%;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) VIX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng;
- ✓ VIX đang trong xu hướng sóng giảm với áp lực bán mạnh tới từ khối ngoại (Nhiều khả năng là PYN chốt lời) – Với mô hình hiện tại NĐT không nên tham gia giao dịch. Tất nhiên trong quá trình giảm sẽ có cây hồi nhưng với NĐT không giỏi phân tích kỹ thuật thì giao dịch dò đáy rất rủi ro;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iii) CTG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Long Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ CTG đang trong pha giảm giá với mục tiêu là 45 và kháng cự sóng hồi là 51;
- ✓ CTG lãi trước thuế hơn 10,614 tỷ đồng, tăng 62% so với cùng kỳ năm trước, nhờ hoạt động cốt lõi và thu từ chứng khoán, đi kèm giảm dự phòng rủi ro.
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Sóng 4 nhiều tín hiệu cho thấy vận động theo mô hình Flat Base

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,167 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, VHM, HAH, GMD, KDH, MWG, HDB, MCH, VPB, PVS... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIX, GEX, MBB, SSI, CII, HPG, ACB, LPB, VIC, SHS...Hôm nay, tổ chức trong nước, cá nhân nước ngoài và NĐT cá nhân trong nước là người mua ròng trong khi đó tự doanh và tổ chức nước ngoài đóng vai trò là bên bán ròng.

(ii) VN-Index hiện tại vẫn chưa vượt kháng cự 1,700 điểm cũng là đường viền xác nhận mô hình hai đáy. Như chia sẻ trên room chúng tôi đánh giá khả năng VN-Index sẽ vận động theo mô hình Flat Base nhiều hơn. Điểm mấu chốt là thị trường phải tạo được sự phân hóa để ổn định tâm lý NĐT.

(iii) Về mặt dòng tiền, thị trường đang củng cố cho nhận định trên của chúng tôi. Nhóm họ VINCOM, họ GEX và nhóm chứng khoán vốn đóng góp gần 300 điểm tăng của chỉ số trong giai đoạn vừa qua đang chịu áp lực điều chỉnh giảm rất mạnh trong khi đó các nhóm cổ phiếu khác về cơ bản đang có tín hiệu trơ đáy và có phản ứng tăng giá tốt hơn mỗi khi chỉ số ngừng giảm điểm.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 07 mã cho tín hiệu bán, 13 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã SHB, BCM, STB, BVH, CTG, FPT, VHM, GVR, VJC, PLX...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 53% và 40.30% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VHM



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	580.72	581.87	579.57	NO	585.27	592.12	596.67	603.52	573.87	569.32	562.47	557.92
HNINDEX	267.64	267.98	267.3	NO	269.27	271.57	273.2	275.5	265.34	263.71	261.41	259.78
UPINDEX	113.45	113.47	113.44	YES	114.17	114.91	115.63	116.37	112.71	111.99	111.25	110.53
VN30	1931.52	1934.69	1928.35	NO	1948.51	1971.84	1988.83	2012.16	1908.19	1891.2	1867.87	1850.88
VNINDEX	1673.91	1676.08	1671.74	NO	1686.35	1703.12	1715.56	1732.33	1657.14	1644.7	1627.93	1615.49
VNXALL	2892.19	2897.38	2887.01	NO	2915.85	2949.86	2973.52	3007.53	2858.18	2834.52	2800.51	2776.85
VN30FIM	1928.63	1929.45	1927.82	YES	1946.77	1966.53	1984.67	2004.43	1908.87	1890.73	1870.97	1852.83
VN30FIQ	1918.57	1917.85	1919.28	YES	1932.13	1944.27	1957.83	1969.97	1906.43	1892.87	1880.73	1867.17
VN30F2M	1925.77	1928	1923.53	NO	1941.53	1961.77	1977.53	1997.77	1905.53	1889.77	1869.53	1853.77
VN30F2Q	1922.4	1921.7	1923.1	YES	1937.1	1950.4	1965.1	1978.4	1909.1	1894.4	1881.1	1866.4
ACB	25.27	25.35	25.18	NO	25.53	25.97	26.23	26.67	24.83	24.57	24.13	23.87
BCM	66.8	66.75	66.85	YES	67.2	67.5	67.9	68.2	66.5	66.1	65.8	65.4
BID	37.92	37.92	37.91	YES	38.23	38.57	38.88	39.22	37.58	37.27	36.93	36.62
BVH	50.5	50.45	50.55	YES	50.9	51.2	51.6	51.9	50.2	49.8	49.5	49.1
CTG	49.38	49.47	49.29	NO	49.67	50.13	50.42	50.88	48.92	48.63	48.17	47.88
FPT	102.6	102.55	102.65	YES	103.6	104.5	105.5	106.4	101.7	100.7	99.8	98.8
GAS	60.07	60.25	59.88	NO	60.43	61.17	61.53	62.27	59.33	58.97	58.23	57.87
GVR	28.17	28.08	28.26	NO	28.73	29.12	29.68	30.07	27.78	27.22	26.83	26.27
HDB	33.65	33.78	33.53	NO	34.1	34.8	35.25	35.95	32.95	32.5	31.8	31.35
HPG	27.07	27.15	26.98	NO	27.23	27.57	27.73	28.07	26.73	26.57	26.23	26.07
LPB	52.43	52.65	52.22	NO	53.67	55.33	56.57	58.23	50.77	49.53	47.87	46.63
MBB	24.07	24.13	24.01	NO	24.28	24.62	24.83	25.17	23.73	23.52	23.18	22.97
MSN	79.73	79.95	79.52	NO	80.17	81.03	81.47	82.33	78.87	78.43	77.57	77.13
MWG	83.93	83.95	83.92	YES	84.37	84.83	85.27	85.73	83.47	83.03	82.57	82.13
PLX	34.58	34.6	34.57	YES	34.77	34.98	35.17	35.38	34.37	34.18	33.97	33.78
SAB	45.67	45.65	45.68	YES	45.93	46.17	46.43	46.67	45.43	45.17	44.93	44.67
SSB	17.8	17.75	17.85	NO	18.05	18.2	18.45	18.6	17.65	17.4	17.25	17
SHB	16.8	16.75	16.85	NO	17.05	17.2	17.45	17.6	16.65	16.4	16.25	16
SSI	35.17	35.32	35.01	NO	35.53	36.22	36.58	37.27	34.48	34.12	33.43	33.07
STB	56.87	56.85	56.88	YES	57.33	57.77	58.23	58.67	56.43	55.97	55.53	55.07
TCB	35.97	36.1	35.83	NO	36.33	36.97	37.33	37.97	35.33	34.97	34.33	33.97
TPB	17.27	17.33	17.21	NO	17.38	17.62	17.73	17.97	17.03	16.92	16.68	16.57
VCB	60.7	60.75	60.65	YES	61.1	61.6	62	62.5	60.2	59.8	59.3	58.9
VHM	103.27	102.9	103.63	NO	105.73	107.47	109.93	111.67	101.53	99.07	97.33	94.87
VIB	18.92	19	18.83	NO	19.08	19.42	19.58	19.92	18.58	18.42	18.08	17.92
VIC	205.8	206.65	204.95	NO	210.1	216.1	220.4	226.4	199.8	195.5	189.5	185.2
VJC	196.43	196.9	195.97	NO	200.27	205.03	208.87	213.63	191.67	187.83	183.07	179.23
VPB	29.47	29.6	29.33	NO	29.98	30.77	31.28	32.07	28.68	28.17	27.38	26.87
VNM	57.33	57.45	57.22	NO	57.67	58.23	58.57	59.13	56.77	56.43	55.87	55.53
VRE	34.88	35.03	34.74	NO	35.67	36.73	37.52	38.58	33.82	33.03	31.97	31.18

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HNG	8,762,100	3,760,600	233	-3.13
DLG	7,587,600	1,266,530	599	6.93
HSL	3,825,900	541,940	706	6.57
VGI	2,260,700	556,680	406.1	7.56
VPG	1,959,300	497,000	394	-6.97
TVC	1,655,100	689,100	240	0
CMG	1,539,500	705,120	218.33	3.77
DRH	1,465,100	520,160	282	6.9
VEA	1,354,000	427,300	317	2.49
LIG	1,183,500	518,430	228.29	8.89
VHE	982,000	475,930	206	0
GEG	953,900	383,290	249	3.24
SMC	867,000	418,140	207	3.9
SHI	853,000	312,270	273	-1.03
BIG	761,500	203,910	373.45	8.93
TVN	704,600	215,730	327	5.13
DXP	684,600	142,960	479	9.71
PSD	653,300	204,240	320	1.29
TSC	544,000	264,870	205	-0.33
APH	543,900	251,280	216.45	1.67
TCO	531,400	228,910	232	0.47
CTP	530,000	223,500	237	-4.42
BFC	508,600	229,500	222	2.92
TNH	505,100	112,150	450	2.88
TTN	500,700	195,660	255.9	6.63
TLG	383,400	114,660	334	-0.74
PHP	360,400	64,830	556	7.12
NOI	355,900	44,950	792	-2.75
L40	323,000	139,370	232	2.94
GPC	301,100	33,970	886	-4
SGP	288,600	79,760	362	1.46
TDG	209,200	65,720	318	6.79
CLX	207,400	50,870	408	0
DXL	200,400	-	1.#J	40
TOS	197,500	45,550	434	0.55
MPC	178,200	86,580	206	1.16
HII	174,200	59,550	293	4.46
HAP	154,000	60,130	256	4.07
EVE	136,800	13,870	986	3.2
PPH	135,700	22,090	614	-0.7

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì căn theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: HNG, DLG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
23-Oct	HAH	Mua	≤ 59.5	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành/Nên mua khi có giá giảm

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 29/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.091 VND/USD, giảm tiếp 04 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.887 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.295 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.336 VND/USD, tăng 06 đồng so với phiên 28/10. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 20 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 27.700 VND/USD và 27.750 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 29/10, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,15 – 1,23 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 4,22%; 1W 4,72%; 2W 5,22% và 1M 5,68%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,02 đpt ở kỳ hạn 1W, giao dịch tại: ON 4,10%; 1W 4,13%; 2W 4,18%, 1M 4,21%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở các kỳ hạn ngắn, tăng nhẹ ở các kỳ hạn 10Y và 15Y, chốt phiên tại: 3Y 2,91%; 5Y 3,16%; 7Y 3,42%; 10Y 3,79%; 15Y 3,87%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 29/10, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 28 ngày và 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 239,18 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày, 194,06 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, các kỳ hạn còn lại không có khối lượng trúng thầu. Có 6.411,50 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN hút ròng 5.978,26 tỷ đồng từ thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở trong phiên hôm qua. Có 231.735,47 tỷ đồng lưu hành ở kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 29/10, KBNN đấu thầu thành công 5.557 tỷ đồng/13.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 42,7%. Trong đó, kỳ hạn 5Y trúng thầu 677 tỷ đồng/5.000 tỷ đồng gọi thầu, 10Y trúng thầu 4.550 tỷ đồng/6.000 tỷ đồng gọi thầu và 15Y trúng thầu 330 tỷ đồng/1.500 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 30Y gọi thầu 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 3,14% (không thay đổi so với phiên đấu thầu trước), 10Y là 3,80% (+0,03 đpt), 15Y là 3,85% (+0,03 đpt).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

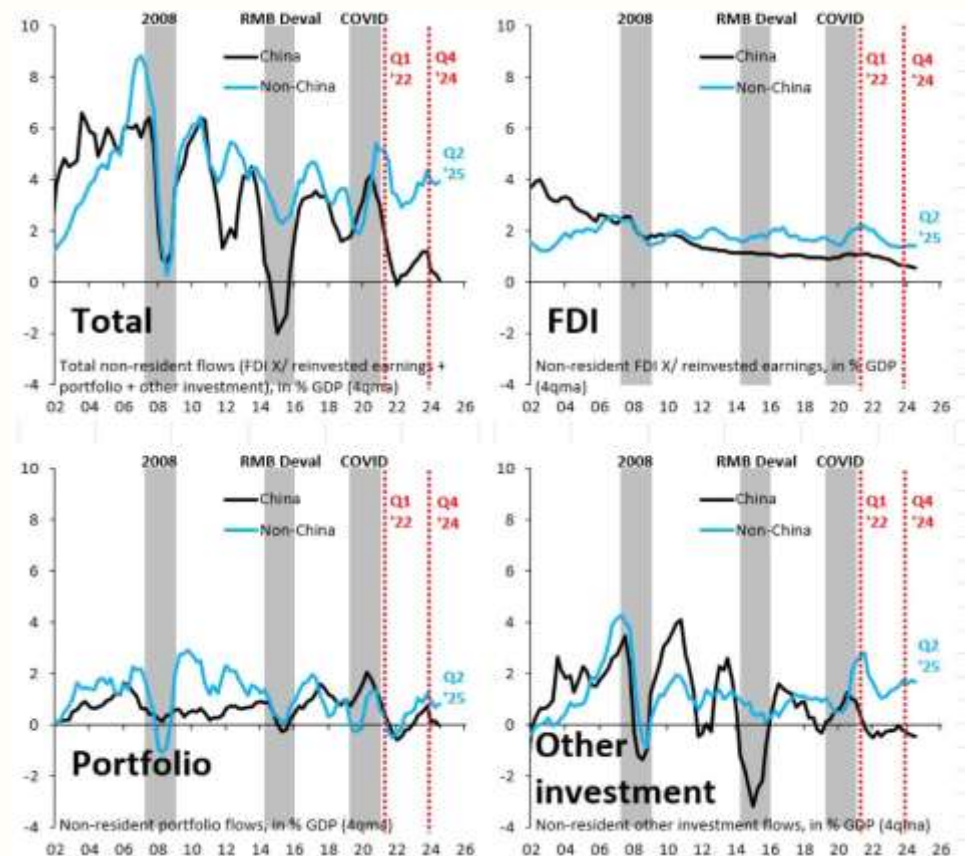
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Chính sách tiền tệ các NHTW trên thế giới

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Switzerland	Target Rate	0.00%	0.2%	-0.2%	Unchanged	Cut	Jun-25
Japan	Policy Rate Bai	0.50%	2.9%	-2.4%	Higher	Hike	Jan-25
Thailand	Policy Rate	1.50%	-0.7%	2.2%	Higher	Cut	Aug-25
Denmark	Current Account	1.60%	2.3%	-0.7%	Higher	Cut	Jun-25
Sweden	Repo Rate	1.75%	0.9%	0.9%	Higher	Cut	Sep-25
Eurozone	Deposit Rate	2.00%	2.2%	-0.2%	Higher	Cut	Jun-25
Taiwan	Discount Rate	2.00%	1.3%	0.8%	Lower	Hike	Mar-24
Canada	Overnight	2.25%	2.4%	-0.2%	Higher	Cut	Oct-25
South Korea	Repo Rate	2.50%	2.1%	0.4%	Higher	Cut	May-25
New Zealand	Cash Rate	2.50%	3.0%	-0.5%	Higher	Cut	Oct-25
Malaysia	Policy Rate	2.75%	1.5%	1.3%	Higher	Cut	Jul-25
China	Loan Prime Rate	3.00%	-0.3%	3.3%	Higher	Cut	May-25
Czech Republic	Repo Rate	3.50%	2.3%	1.2%	Lower	Cut	May-25
Australia	Cash Rate	3.60%	3.5%	0.1%	Higher	Cut	Aug-25
US	Fed Funds	3.88%	3.0%	0.9%	Higher	Cut	Oct-25
UK	Bank Rate	4.00%	3.8%	0.2%	Unchanged	Cut	Aug-25
Norway	Deposit Rate	4.00%	3.6%	0.4%	Higher	Cut	Sep-25
Peru	Policy Rate	4.25%	1.4%	2.9%	Higher	Cut	Sep-25
Hong Kong	Base Rate	4.25%	1.1%	3.2%	Unchanged	Cut	Oct-25
Poland	Repo Rate	4.50%	2.9%	1.6%	Unchanged	Cut	Oct-25
Saudi Arabia	Repo Rate	4.50%	2.2%	2.3%	Lower	Cut	Oct-25
Chile	Base Rate	4.75%	4.4%	0.4%	Higher	Cut	Jul-25
Indonesia	Repo Rate	4.75%	2.7%	2.1%	Higher	Cut	Sep-25
Philippines	Key Policy Rate	4.75%	1.7%	3.1%	Higher	Cut	Oct-25
India	Repo Rate	5.50%	1.5%	4.0%	Higher	Cut	Jun-25
South Africa	Repo Rate	7.00%	3.4%	3.6%	Higher	Cut	Jul-25
Mexico	Overnight Rate	7.50%	3.8%	3.7%	Higher	Cut	Sep-25
Colombia	Repo Rate	9.25%	5.2%	4.1%	Higher	Cut	Apr-25
Brazil	Target Rate	15.00%	5.2%	9.8%	Higher	Hike	Jun-25
Russia	Key Policy Rate	16.50%	8.0%	8.5%	Lower	Cut	Oct-25
Argentina	Overnight Repo	29.00%	31.8%	-2.8%	Lower	Cut	Jan-25
Turkey	Repo Rate	39.50%	33.3%	6.2%	Higher	Cut	Oct-25

Dòng vốn đầu tư vẫn có xu hướng rút ra khỏi Trung Quốc



Tin tức cắt giảm lãi suất FED FUND RATE không như kỳ vọng khiến thị trường giảm điểm

Meta ra kết quả kinh doanh không như kỳ vọng – Cổ phiếu điều chỉnh mạnh về MA(200)

Cựu chủ tịch hạ viện Mỹ bán cổ phiếu AAPL – Tín hiệu tạo đỉnh ngắn hạn ?



Phân kỳ âm trong đà tăng của Nasdaq với độ rộng thị trường tạo áp lực giảm điểm

PLTR thiết lập một Break out mô hình tam giác



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

